

Số: /BC-UBND

Xã Nguyễn Lương Bằng, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ XÃ HỘI SỐ ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030 THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ 411/QĐ-TTG NGÀY 31/3/2022

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Trong quý III năm 2025, Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Lương Bằng đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính và chuyển đổi số theo chỉ đạo của Thành phố và Sở Khoa học và Công nghệ. Công tác lãnh đạo, điều hành được đổi mới, khoa học, linh hoạt, bám sát thực tiễn, góp phần ổn định tình hình, bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững quốc phòng – an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu cơ bản đạt tiến độ: sản xuất nông nghiệp duy trì ổn định, các khu công nghiệp phát triển mạnh mẽ; thu ngân sách đạt trên 75% kế hoạch năm; công tác quy hoạch, xây dựng nông thôn mới nâng cao được triển khai đúng định hướng. Lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước được cải thiện.

Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số và xây dựng chính quyền số được xác định là nhiệm vụ trọng tâm:

UBND xã đã ban hành và triển khai Kế hoạch cải cách hành chính 06 tháng cuối năm 2025, thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số, Đề án 06 và CCHC để thống nhất chỉ đạo, điều hành. Thành lập các Tổ phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn xã.

Hệ thống Trung tâm Phục vụ hành chính công được đầu tư nâng cấp, trang bị hiện đại; 100% hồ sơ TTHC cấp xã được tiếp nhận, giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt trên 99%.

Công tác số hóa hồ sơ, thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và tài khoản VNeID được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Đã triển khai các phong trào “Bình dân học vụ số”, “Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”, tổ chức tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, công chức và người dân sử dụng các ứng dụng số cơ bản.

Công tác xây dựng tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm đúng quy định. Việc giao biên chế, sắp

xếp đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập được hoàn thành đúng thời hạn; đội ngũ cán bộ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn một số khó khăn, hạn chế:

Một số chỉ tiêu chuyển đổi số và xã hội số chưa đạt yêu cầu; tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử còn thấp so với mục tiêu.

Nguồn lực đầu tư cho hạ tầng số, hoạt động đào tạo, tuyên truyền còn hạn chế; tốc độ mạng ở một số khu vực chưa ổn định.

Một bộ phận người dân, nhất là người cao tuổi, lao động nông nghiệp còn hạn chế về kỹ năng số, chưa hình thành thói quen sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Nhìn chung, trong bối cảnh sáp nhập đơn vị hành chính, khối lượng công việc lớn, UBND xã Nguyễn Lương Bằng đã nỗ lực duy trì tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, thúc đẩy chuyển đổi số, tạo nền tảng quan trọng để hoàn thành các mục tiêu đến năm 2025 và định hướng 2030.

Chi tiết như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển đã đặt ra về phát triển xã hội số

Mục tiêu cơ bản đã đạt được tính đến năm 2025 gồm:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị đo lường báo cáo	Kết quả 2025	Mục tiêu 2025	Đánh giá
1	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	85%	80%	Đạt, vượt mục tiêu
2	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	Ngân hàng Agribank chi nhánh Thanh Miện	85%	80%	Đạt, vượt mục tiêu
3	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	70%	> 70%	Đạt mục tiêu
4	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	95%	90%	Đạt, vượt xa mục tiêu
5	Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	70%	> 70%	Đạt mục tiêu
6	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	70%	70%	Đạt mục tiêu

7	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	80%	%	Đạt mục tiêu
8	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số...)	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	20%	0%	Đạt mục tiêu
9	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	70%	70%	Đạt mục tiêu
10	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	100%	100%	Đạt mục tiêu

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ

1. Thể chế

Ban hành **04** văn bản quy phạm pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn và Trung tâm phục vụ hành chính công xã; đảm bảo đúng quy trình theo Luật Ban hành VBQPPL năm 2025.

Thực hiện rà soát, niêm yết, công khai 100% TTHC, không phát sinh phản ánh, kiến nghị của công dân trong quý III/2025.

2. Hạ tầng số và nền tảng số

100% cơ quan, đơn vị, trường học có mạng Internet băng rộng và thiết bị kết nối.

UBND xã triển khai hệ thống camera giám sát trong và ngoài bộ phận “một cửa”; có hệ thống đánh giá sự hài lòng và tra cứu thủ tục hành chính.

Xây dựng, duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử xã, kết nối với Cổng thông tin điện tử thành phố.

3. Dữ liệu số

100% hồ sơ hành chính được lưu trữ điện tử; dữ liệu dân cư, đất đai, hộ kinh doanh được quản lý bằng phần mềm.

4. An toàn thông tin và bảo mật dữ liệu

Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng mặc định trong thiết kế hệ thống tại Trung tâm hành chính công xã.

100% cán bộ được tập huấn, sử dụng an toàn hệ thống thông tin, tránh rò rỉ dữ liệu.

5. Nhân lực số và kỹ năng số

100% cán bộ, công chức sử dụng thành thạo phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc, dịch vụ công trực tuyến.

Tổ chức tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số cơ bản, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không tiền mặt cho người dân.

6. Văn hóa số và công dân số

Tổ chức phong trào “Công dân số Hải Phòng – sử dụng thông minh, sống an toàn” năm 2025; tuyên truyền văn hóa số tại các tổ dân phố.

Tuyên truyền về cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến.

Tuyên truyền ngày chuyển đổi số quốc gia 10/10, tuyên truyền Cuộc thi “Công dân số Hải Phòng-sử dụng thông minh, sống an toàn”.

Tổ chức triển khai đồng bộ phong trào “Bình dân học vụ số”, “Ngày hội toàn dân học tập số” và “Ngày chuyển đổi số quốc gia”

III. CÁC GIẢI PHÁP ĐÃ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Tổ chức, bộ máy

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 thành lập Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Đề án 06 xã Nguyễn Lương Bằng;

Quyết định số 781/QĐ-UBND, ngày 30/9/2025 về việc Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng và áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Lương Bằng (Ban chỉ đạo ISO); Kế hoạch số 60/KH-UBND về việc áp dụng, duy trì, cải tiến và công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:201 tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Lương Bằng năm 2025.

Quyết định số 742/QĐ-UBND, ngày 17/9/2025 về việc thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng tại các tổ dân phố trên địa bàn xã Nguyễn Lương Bằng; Ngày 16/10/2025 ban hành Phương án kịch bản hỗ trợ người dân yếu thế và xử lý tình huống thường gặp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Nguyễn Lương Bằng;

2. Hợp tác trong nước

a) Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội phối hợp với các đơn vị trong triển khai hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tài khoản định danh điện tử cho cán bộ, người dân. Triển khai chương trình thanh toán không dùng tiền mặt, tuyên truyền mở tài khoản giao dịch điện tử, hướng dẫn người dân cài đặt và sử dụng ứng dụng Mobile Banking, cập nhật hồ sơ sức khỏe điện tử. Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông (VNPT, Viettel) trong việc bảo trì, nâng cấp hạ tầng cáp quang, mở rộng vùng phủ sóng di động và cung cấp dịch vụ Internet đến các khu dân cư.

3. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông loa truyền thanh, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.

Tổ chức phong trào “Công dân số Hải Phòng – sử dụng thông minh, sống an toàn” năm 2025 đến các cơ quan, đơn vị, trường học trên địa bàn; tuyên truyền văn hóa số tại các tổ dân phố.

4. Bảo đảm kinh phí

Nguồn ngân sách địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Chiến lược để phát triển xã hội số.

5. Giảm thiểu các tác động tiêu cực của phát triển kinh tế số, xã hội số

a) Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số ở địa phương: Lao động trong lĩnh vực nông và dịch vụ nhỏ lẻ có nguy cơ bị thay thế dần bởi thiết bị tự động, thương mại điện tử và giao dịch trực tuyến. Một bộ phận người dân trung niên, người lao động thủ công còn thiếu kỹ năng sử dụng công nghệ, khó thích ứng với yêu cầu công việc số. Ngược lại, lực lượng thanh niên, giáo viên, cán bộ công chức đang nhanh chóng thích ứng và khai thác tốt công nghệ số trong quản lý, sản xuất và dịch vụ.

b) Về tác động tiêu cực:

Rủi ro an toàn, an ninh mạng: mất, lộ dữ liệu cá nhân; phần mềm, thiết bị thiếu bảo mật có thể dẫn đến rò rỉ thông tin hành chính, thông tin đất đai, hồ sơ y tế. Điều này được nhiều tổ chức quốc tế nhắc là rủi ro chính của chuyển đổi số.

Tác động tới sức khỏe tinh thần và trẻ em: tiếp xúc quá mức, thông tin độc hại, thao túng cảm xúc - các báo cáo quốc tế chỉ rõ cần quản lý tiếp xúc và kỹ năng số cho trẻ em.

Bất bình đẳng số: người già, lao động nông nghiệp, có thể bị bỏ lại do kỹ năng và hạ tầng chưa đồng đều.

Thông tin sai lệch/lừa đảo trực tuyến: người dân dễ bị lừa khi thanh toán, cung cấp thông tin cá nhân; tác động pháp lý, kinh tế tại cấp cộng đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Tồn tại, hạn chế

Một số chỉ tiêu xã hội số chưa đạt mục tiêu, đặc biệt là:

Tỷ lệ người dân có chữ ký số, chữ ký điện tử cá nhân còn thấp, do người dân chưa phổ cập sử dụng và chưa có thói quen xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử.

Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo các phòng chuyên môn, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông xã tích cực tuyên truyền, hướng dẫn, tổ chức các Cuộc thi đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người dân nhằm nâng cao kỹ năng số, tạo thói quen sử dụng các kỹ năng số, nộp hồ sơ trực tuyến, phấn đấu tăng tỷ lệ đạt trên 70% (đến 20/10 đã đạt 69,1 %)

Thanh toán không dùng tiền mặt tuy được tuyên truyền rộng rãi nhưng chưa đồng đều giữa các nhóm dân cư, nhất là người cao tuổi, lao động nông nghiệp. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến phần đầu đạt 80 %. (Đến 20/10 đã đạt 76,26%)

Tuy nhiên nhận thức và kỹ năng số của một bộ phận người dân còn hạn chế, đặc biệt đối tượng yếu thế, người trung niên, người lao động tự do, dẫn đến khó tiếp cận dịch vụ số.

Hạ tầng công nghệ thông tin ở cấp tổ dân phố tuy được phủ sóng nhưng một số khu vực còn tốc độ mạng chưa ổn định, ảnh hưởng đến khả năng khai thác dịch vụ số.

Rủi ro về an toàn, an ninh mạng còn tiềm ẩn: nguy cơ lộ, mất dữ liệu cá nhân, thông tin hành chính; một số thiết bị và phần mềm bảo mật chưa được cập nhật thường xuyên.

Bất bình đẳng số còn hiện hữu giữa nhóm dân cư trẻ - thành thạo công nghệ và nhóm dân cư lớn tuổi - thiếu kỹ năng số.

Kinh phí triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số còn hạn hẹp, chủ yếu dựa vào ngân sách địa phương, thiếu nguồn lực xã hội hóa.

2. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ:

Tăng cường hỗ trợ kỹ thuật và nguồn vốn đầu tư hạ tầng số, nhất là mạng viễn thông, nền tảng dữ liệu dùng chung.

Có chính sách hỗ trợ triển khai chữ ký số cá nhân cho người dân; kết hợp tập huấn, hướng dẫn sử dụng trực tiếp.

Hỗ trợ xã trong việc triển khai mô hình “Tổ dân phố thông minh”, ứng dụng số trong quản lý sản xuất, môi trường, y tế, giáo dục.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

1. Mục tiêu tổng quát

Thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn xã nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và chữ ký/chữ ký số cá nhân; bảo đảm an toàn, an ninh mạng; thu hẹp khoảng cách số giữa các nhóm dân cư; tạo nền tảng cho phát triển kinh tế số, xã hội số bền vững, phù hợp với Kế hoạch 144 của thành phố và Chiến lược quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến 31/12/2025:

Tăng tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người trưởng thành trên địa bàn $\geq 70\%$ (hiện tại đạt 67,2%).

Tăng tỷ lệ tài khoản giao dịch điện tử/hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt $\geq 85\%$ trong nhóm dân cư năng động; giảm chênh lệch tỷ lệ giữa nhóm trẻ và nhóm lớn tuổi ≤ 20 điểm phần trăm.

100% hồ sơ hành chính cơ bản số hóa, liên thông với hệ thống cấp thành phố theo tiêu chuẩn; đảm bảo sao lưu, mã hóa, phân quyền truy cập.

2.2. Định hướng đến 2030:

Đạt chuẩn công dân số cao hơn (tỷ lệ dùng smartphone, thanh toán điện tử, chữ ký số cá nhân tiến gần mức mục tiêu toàn quốc) và hoàn thiện nền tảng dữ liệu địa phương, an toàn mạng theo hướng chuẩn hóa, tích hợp lên cấp thành phố. (Hướng dẫn chi tiết theo Chiến lược 411 và Kế hoạch thành phố).

3. Nhiệm vụ theo trụ cột

3.1. Nâng cao nhận thức và phổ cập kỹ năng số

Nhiệm vụ: Tuyên truyền kỹ năng số cộng đồng đến năm 2030 tập trung vào: đăng ký, nộp hồ sơ trực tuyến; thanh toán điện tử; sử dụng chữ ký số; an toàn thông tin cơ bản.

Ưu tiên tập huấn cho: cán bộ, công chức, trưởng thôn, khu dân cư, tổ công nghệ số cộng đồng, người cao tuổi, tiểu thương.

Giải pháp: Duy trì Tổ công nghệ số cộng đồng ở mỗi khu dân cư, chịu trách nhiệm hỗ trợ trực tiếp, tổ chức “chợ kỹ thuật số” lưu động (hướng dẫn cài app, quét mã, nộp hồ sơ).

Phân công nhiệm vụ: Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã, Tổ công nghệ số cộng đồng.

3.2. Thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến và chữ ký số

Nhiệm vụ: Áp dụng cơ chế “một cửa số - hỗ trợ toàn diện”: bố trí điểm hỗ trợ, nhân lực hướng dẫn tại Trung tâm PVHCC để giúp người dân hoàn thiện hồ sơ trực tuyến. Khuyến khích, hỗ trợ cấp chữ ký số cho các hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp, người dân.

Giải pháp: Xây dựng quy trình rút gọn, checklist hồ sơ điện tử, video hướng dẫn ngắn, có biểu mẫu in sẵn cho các trường hợp cần hỗ trợ.

Làm mô hình thí điểm “nộp hồ sơ online - nhận kết quả offline” để giảm rào cản ban đầu.

Phân công nhiệm vụ: Văn phòng UBND xã, Trung tâm PVHCC, Công an xã (về xác thực danh tính).

3.3. An toàn, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu

Nhiệm vụ: Hoàn thiện kế hoạch bảo mật dữ liệu nội bộ xã; quy định phân quyền truy cập; thực hiện sao lưu định kỳ. Tổ chức tập huấn ATTT cho cán bộ, cập nhật phần mềm, vá lỗi theo chu kỳ.

Giải pháp: Triển khai checklist ATTT bắt buộc cho các máy chủ, thiết bị lưu trữ hồ sơ; ký hợp đồng duy trì, cập nhật với nhà cung cấp phần mềm.

Tổ ứng cứu sự cố CNTT của xã hỗ trợ khi có yêu cầu.

Phân công nhiệm vụ: Phòng Văn hóa - Xã hội, Văn phòng UBND xã (chủ trì), Công an xã (hướng dẫn nghiệp vụ bảo mật), Tổ ứng cứu CNTT.

3.4. Huy động nguồn lực

Nhiệm vụ: Xây dựng đề án huy động nguồn lực cho các hoạt động chuyển đổi số.

Giải pháp: Lồng ghép kinh phí chuyển đổi số vào kế hoạch ngân sách hằng năm; kêu gọi doanh nghiệp hỗ trợ thiết bị, đào tạo; thành lập quỹ nhỏ “Hỗ trợ chuyển đổi số cộng đồng”.

Phân công nhiệm vụ: Phòng Kinh tế xã chủ trì phối hợp các đơn vị có liên quan thực hiện.

3.6. Giảm thiểu bất bình đẳng số và bảo vệ nhóm yếu thế

Nhiệm vụ: Các hoạt động hướng tới người cao tuổi, lao động nông nghiệp, người yếu thế (hỗ trợ đăng ký, làm thủ tục, hướng dẫn bằng giọng nói/loại tài liệu dễ tiếp cận).

Giải pháp: Chương trình “Đôi bạn kỹ thuật số” (cặp thanh niên - người cao tuổi) để truyền kỹ năng.

Phân công nhiệm vụ: Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm PVHCC, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên phối hợp thực hiện.

Trên đây là Báo cáo sơ kết Tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Lương Bằng./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN (để báo cáo);
- TT Đảng ủy (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND xã;
- Phòng VH - XH;
- CPV, PCVP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Cát